TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1185**/2019/LĐ-PT
Ngày: 11/12/2019
V/v tranh chấp về tiền thưởng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Liên**

Các Thẩm phán: Ông **Đỗ Giang**

Ông **Nguyễn Tiến Dũng**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà **Huỳnh Thị Kim Tuyến** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29/11/2019, 06/12/2019, 11/12/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1 xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2019/TLPT-LĐ ngày 02/10/2019 về "Tranh chấp về tiền thưởng".

Do bản án lao động sơ thẩm số 37/2019/LĐ-ST ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5602/QĐPT-LĐ ngày 14/11/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1956
Địa chỉ: 24I bis đường H, Phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:
1/ Luật sư **Hồ Nguyên L** - Công ty Luật TNHH MTV TN, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông **Vũ Ngọc H**, sinh năm 1977; Giám đốc Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn thuộc Liên đoàn lao động tỉnh N.

- *Bị đơn:* **Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp X**
Trụ sở: 72 Đường T, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1/ Bà **Vũ Thị Xuân T**, sinh năm 1980; địa chỉ liên lạc: Nhà C7, Khu Đ, quận L, Thành phố Hà Nội; hoặc

2/ Bà **Nguyễn Thị Thanh Y**, sinh năm 1985; địa chỉ liên lạc: 02 Đường V, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; hoặc

3/ Ông **Đỗ Minh N**, sinh năm 1988; địa chỉ liên lạc: 02 Đường V, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 02/8/2018 của Tổng Giám đốc Công ty).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Tập đoàn dệt may N**

Trụ sở: 25 Đường T, Quận H, Quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Mai Văn T,** sinh năm 1963; địa chỉ: 107/33/3 Đường 11, Phường E, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 761/UQ-TĐDMVN ngày 12/11/2019 của Tổng Giám đốc – ông Lê Tiến T).

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Hồng H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

∗ Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Trước đây bà H làm việc tại Công ty V. Công ty trách nhiệm hữu hạn V được thành lập ngày 10/10/2001 là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn dệt may N (Vex), đến ngày 06/5/2010 Công ty trách nhiệm hữu hạn V chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên TMTTDM V (V), (gọi tắt Công ty V) 100% vốn Nhà nước và theo Quyết định 5151/QĐ-BCT ngày 07/10/2011 của Bộ Công thương đã cổ phần hóa Tập đoàn dệt may Việt Nam.

Ngày 28/6/2013, Vex công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty V và xác định số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi là 11.580.713.214 đồng tại thời điểm ngày 31/12/2011. Theo quy định Điều 19 Nghị định số: 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi sẽ được chia hết cho người lao động có mặt tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 1.643 người, trong đó có bà H nhưng Công ty V và Vex không chia.

Ngày 08/4/2015, Vex nhượng bán vốn và bàn giao Công ty V cho Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp X (gọi tắt Công ty X), Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp X trước khi chuyển đổi là Công ty cổ phần STV. Mặc dù, đã bán doanh nghiệp nhưng Vex vẫn không chi trả quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động. Trong quá trình giải quyết quỹ khen thưởng,

quỹ phúc lợi, Vex tuyên bố Công ty X phải có nghĩa vụ chi trả cho người lao động.

Ngày 11/11/2017, Công ty X có văn bản số: 3447/2017/TB- X gửi cho người lao động thông báo chi trả quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi với số tiền 6.680.000.000 đồng nhưng người lao động phải ký cam kết không khiếu nại. Việc Công ty X chi trả quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi trên số tiền 6.680.000.000 đồng đã gây thiệt hại cho bà H, thay vì nhận được số tiền 44.496.595 đồng trên số tiền chi trả 11.580.713.214 đồng thì bà H chỉ nhận được số tiền 25.813.993 đồng đối với số tiền chi trả 6.680.000.000 đồng.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, bà H khởi kiện yêu cầu Công ty X chia quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi số tiền 11.580.713.214 đồng và yêu cầu được nhận số tiền 44.496.595 đồng.

Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 12/6/2019, bà H yêu cầu Công ty X bồi thường thiệt hại do chi trả trễ hạn số tiền 44.496.595 đồng tạm tính đến tháng 5/2019 là 26.858.676 đồng, tổng cộng là 71.355.271 đồng.

*** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của Công ty X trình bày:**

Ngày 08/4/2015, Vex và Công ty X ký hợp đồng chuyển nhượng 100% vốn góp của Vex trong Công ty V và tại điểm f mục 5.1 Điều 5 của hợp đồng chuyển nhượng, Vex cam đoan và bảo đảm không có bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến Công ty V và/hoặc của Công ty V và trước khi chuyển nhượng Vex đã kiểm soát hoạt động của Công ty V với tư cách là chủ sở hữu nên việc chi trả quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi thuộc trách nhiệm của Vex. Công ty X chỉ có nghĩa vụ đối với tranh chấp sau thời điểm nhận chuyển nhượng.

Vex là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100%, đã tiến hành cổ phần hóa tháng 9/2014 nhưng Công ty V là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Vex sở hữu 100% không phải là doanh nghiệp cổ phần hóa, không ảnh hưởng từ cổ phần hóa của Vex. Tại thời điểm chuyển nhượng vốn góp của Vex, Công ty V là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thực hiện theo Luật doanh nghiệp nên không chịu sự điều chỉnh bởi Nghị định số: 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ. Theo thông tin Vex xác nhận số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi tại thời điểm ngày 31/12/2011 là 11.580.713.214 đồng nhưng Công ty X không có thông tin xác nhận số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi này. Theo báo cáo tài chính kiểm toán tính đến ngày 31/12/2014, số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi Công ty X kế thừa tại thời điểm nhận chuyển nhượng là 1.274.193.279 đồng nên Công ty X chỉ có nghĩa vụ chi trả số tiền dư quỹ này cho người lao động còn làm việc ở Công ty V vào thời điểm cuối năm 2014, bà H đã nghỉ hưu từ ngày 01/01/2012, được giải quyết đầy đủ các chế độ liên quan và bà H không khiếu nại, thắc mắc gì. Tuy nhiên, để giải

quyết vụ việc trên Công ty X đồng ý bổ sung số tiền 5.414.111.120 đồng cộng với số tiền 1.274.193.279 đồng để Vex lập danh sách chi trả quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động, theo đó bà H được chi trả 25.813.993 đồng nhưng bà H không đến nhận dù đã được thông báo.

Từ những lý do trên, Công ty X đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà H đòi chi trả quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi 44.496.595 đồng trên số tiền 11.580.713.214 đồng. Công ty X đồng ý chi trả quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho bà H 4.917.841 đồng trên số tiền 1.274.193.279 đồng.

*** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn dệt may Việt Nam trình bày:**

Theo Quyết định số: 4373/QĐ-BCT ngày 28/6/2013 của Bộ Công thương, Vex xác nhận số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của Công ty V thời điểm ngày 31/12/2011 là 11.580.713.214 đồng. Tại khoản 6 Điều 9 Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính quy định số dư bằng tiền của quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi sau khi bù đắp các khoản chi quá chế độ cho người lao động thì được dùng để chia cho người lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo số năm công tác tại doanh nghiệp cổ phần hóa. Quá trình cổ phần hóa kéo dài, việc chia quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi chỉ được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp đã hoàn thành việc cổ phần hóa trong giai đoạn từ năm 2011 đến cuối năm 2014 nhưng Công ty V chưa thực hiện. Trong thời gian này quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được sử dụng để duy trì các hoạt động khen thưởng đối với người lao động nên số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi còn lại khi chuyển giao cho Công ty X là 1.274.193.279 đồng.

Công ty V là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân nên việc quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi thuộc trách nhiệm của Công ty V. Tuy nhiên, sau khi Vex chuyển nhượng phần vốn góp Nhà nước tại Công ty V, việc chia quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi gặp những khó khăn nên Vex đã phối hợp với Công ty X tiếp tục giải quyết chia quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động theo hướng số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi ngày 31/12/2011 là 11.580.713.214 đồng được chia cho 1.643 người lao động, cụ thể: Năm 2012 chi quỹ phúc lợi 2.693.426.010 đồng, chi khen thưởng thi đua 3.953.799.402 đồng; năm 2013 chi quỹ phúc lợi 1.824.767.796 đồng, chi khen thưởng thi đua 557.210.147 đồng; năm 2014 chi quỹ phúc lợi 374.215.009 đồng, chi khen thưởng thi đua 419.770.258 đồng; số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi tại thời điểm ngày 31/12/2014 là 1.757.524.592 đồng nhưng thực tế số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi còn lại là 1.274.193.279 đồng.

Để thống nhất việc chi trả quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động đang còn làm việc tại thời điểm ngày 31/12/2011, Vex đề xuất và Công ty X đồng ý bổ sung số tiền 5.414.111.120 đồng cộng với số dư quỹ khen thưởng,

quỹ phúc lợi 1.274.193.279 đồng, tổng cộng 6.688.304.399 đồng để chi trả cho người lao động và thực tế Công ty X đã chi trả được 1.396 người lao động với số tiền 6.108.672.142 đồng. Công ty X là đơn vị nhận chuyển nhượng vốn, kế thừa nên có nghĩa vụ chi trả quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động của Công ty V.

∗ Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà H xác nhận bà không có đơn khởi kiện bổ sung để yêu cầu Công ty X bồi thường thiệt hại do chậm chi trả quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi trên số tiền được lãnh nhưng có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc Công ty X bồi thường thiệt hại do chậm chi trả quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi tính từ tháng 7 tháng 2013 đến tháng 7 năm 2019 là 26.858.676 đồng.

Đại diện Công ty X có ý kiến bổ sung xác nhận Công ty X không có quan hệ lao động với bà H. Theo đề xuất của Vex, Công ty X đồng ý bỏ thêm số tiền 5.414.111.120 đồng cộng với số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi 1.274.193.279 đồng, tổng cộng 6.688.304.399 đồng Công ty X đã chi trả cho người lao động.

Thực tế, Công ty X đã chi trả được 1.396 người lao động với số tiền 6.108.672.142 đồng, Công ty X đã thông báo nhưng bà H không đến nhận. Công ty X đồng ý chi trả quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho bà H trên số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi 1.274.193.279 đồng, và bà H được nhận 4.917.841 đồng. Riêng số tiền 5.414.111.120 đồng Công ty X bỏ thêm vào để chi trả cho người lao động, Công ty X đồng ý hỗ trợ thêm và bà H được nhận 20.896.152 đồng.

Đại diện Vex vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày nhưng xác nhận ngày 28/6/2013, Vex công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty V và xác định số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi là 11.580.713.214 đồng tại thời điểm ngày 31/12/2011. Khi Vex và Công ty X ký hợp đồng chuyển nhượng 100% vốn góp của Vex trong Công ty V thì số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi là 1.274.193.279 đồng không phải là 1.757.524.592 đồng như đã trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H đề nghị Tòa án không xem xét vì không có căn cứ.

∗ Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử theo trình tự sơ thẩm cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không có căn cứ xác định số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi là 11.580.713.214 đồng. Căn cứ báo cáo tài chính ngày 31/12/2014 số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi Công ty X đã

nhận là 1.274.193.279 đồng và căn cứ Điều 103 Bộ luật lao động, điểm c khoản 2 Điều 195 Luật doanh nghiệp nên Công ty X phải có nghĩa vụ chi trả cho bà H với số tiền 4.917.841 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty X hỗ trợ thêm để chi trả quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho bà H số tiền 20.896.152 đồng. Không xem xét yêu cầu của bà H đòi Công ty X bồi thường thiệt hại do chậm chi trả quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi tính từ tháng 7 năm 2013 đến tháng 7 năm 2019 là 26.858.676 đồng.

*** Tại bản án lao động sơ thẩm số 37/2019/LĐ-ST ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:**

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 103 Bộ luật Lao động;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định số: 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H:

1.1. Buộc Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp X phải có nghĩa vụ chi trả số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền 4.917.841 đồng (bốn triệu, chín trăm mười bảy nghìn, tám trăm bốn mươi mốt đồng).

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp X hỗ trợ, chi trả quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền 20.896.152 đồng (hai mươi triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm năm mươi hai đồng).

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3. Không xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng H đòi Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp X bồi thường thiệt hại do chi trả trễ hạn số tiền 44.496.595 đồng tạm tính từ tháng 7 năm 2013 đến tháng 7 năm 2019 là 26.858.676 đồng.

2. Về án phí: Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp X phải chịu án phí lao động sơ thẩm 921.955 đồng. Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí

lao động sơ thẩm 1.187.363 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 1.112.415 đồng bà Nguyễn Thị Hồng H đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0023239 ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận M, bà Nguyễn Thị Hồng H còn phải nộp số tiền 74.948 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên đương sự.

* Ngày 01/8/2019 bà H nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Luật sư Hồ Nguyên L bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hương trình bày:

Cần làm rõ quỹ khen thưởng phúc lợi này hình thành từ khi nào, Điều 103 Bộ luật Lao động chỉ quy định về tiền thưởng còn phần quỹ phúc lợi luật lao động không quy định. Theo ông trước năm 2002 V hoạt động luôn tồn tại loại quỹ này nhưng khi có quyết định cổ phần hóa tập đoàn Vex thì từ ngày 01/01/2012 chốt quỹ này để chia cho người lao động theo quy định tại các Điều 14, 19 và 48 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ đã xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa cho nên để duy trì hoạt động của doanh nghiệp sau thời gian đó công ty phải trích từ quỹ lương để hình thành quỹ khen thưởng phúc lợi tiếp theo, ở đây có sự nhầm lẫn đối tượng chi, chi cả cho những người lao động mới và những người tiếp tục làm việc, phải chốt quỹ này từ thời điểm kiểm toán.

V đã tiến hành kiểm toán giá trị doanh nghiệp, Tập đoàn dệt may Việt Nam đứng ra bán chuyển nhượng V cho X. Sau khi có thông báo chia quỹ này cho 1.643 người lao động liên quan được hưởng, bà H đã không đồng ý cách chia của Tổ công tác giải quyết chính sách trên số tiền chia 6,680 tỷ đồng. Bà H được 576 người ủy quyền cho bà đại diện tham gia tố tụng nhưng không được Tòa sơ thẩm triệu tập. Từ 11,58 tỷ đồng mà khi chuyển quỹ này cho X chỉ còn 1,2 tỷ đồng; có thể thấy phần 10,3 tỷ đồng V đã chi sai đối tượng, sai mục đích, Vex chuyển giao không đầy đủ, không thực hiện đúng việc cổ phần hóa. Theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp của Vex thì bên nhận chuyển nhượng là X phải kế thừa quyền và nghĩa vụ nên X phải bổ sung khoản dư còn thiếu chia cho 1.643 người lao động.

Về thủ tục tố tụng: Tòa sơ thẩm bỏ sót nội dung khởi kiện bổ sung của nguyên đơn vì bà H được 576 người ủy quyền cho bà đại diện tham gia tố tụng nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập, không hướng dẫn để họ có đơn và đóng tạm ứng án phí. Tòa không triệu tập 576 người này với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không triệu tập lãnh đạo V cũ chi sai quỹ, vì sao số tiền quỹ bị giảm nhiều như vậy để nộp phạt hay bồi thường theo quy định.

Việc xét xử chưa đảm bảo quyền lợi khách quan cho bà H và 576 người lao động nên đề nghị hủy án sơ thẩm để làm lại.

- Ông Vũ Ngọc H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hương trình bày:

Về tố tụng Tòa án không đưa 576 người vào tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót, Tòa chưa ra Thông báo cho bà H biết đưa hay không đưa họ vào tham gia trong khi có 576 người có văn bản ủy quyền cho bà H. Về số liệu xác định liên quan đến số tiền quỹ khen thưởng phúc lợi lúc đầu là 11,58 tỷ đồng sau còn giao cho X là 1,2 tỷ đồng Tòa không kiểm tra nội dung, số liệu chi cho 3 năm 2012, 2013, 2014 số liệu này giữa báo cáo của công ty V và kiểm toán không phù hợp. V lấy số 11,58 tỷ đồng chi nhưng Tòa sơ thẩm chưa làm rõ chi cho ai, mục đích gì, nếu chi đúng là phải chi cho những người lao động lúc xác định giá trị doanh nghiệp từ 31/12/2011 trở về trước. Tòa sơ thẩm xử còn chưa làm rõ nhiều vấn đề nên đề nghị hủy án.

- Bà H trình bày:

Thống nhất với ý kiến của hai người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

- Ông Đỗ Minh Nghĩa đại diện cho Công ty X trình bày:

V là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Vex sở hữu 100% vốn. V không phải là doanh nghiệp được cổ phần hóa. Việc Vex chuyển nhượng phần vốn góp trong V cho X là hoạt động thoái vốn khỏi công ty con theo chủ trương đã được Chính phủ phê duyệt riêng và được triển khai theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp.

Số dư quỹ khen thưởng phúc lợi của V tại thời điểm 31/12/2011 là do Vex công bố, X chỉ tiếp nhận quỹ khen thưởng phúc lợi khi nhận chuyển nhượng phần góp vốn trong V theo báo cáo tài chính năm 2014 của V đã được kiểm toán bởi KPMG. Yêu cầu của bà H buộc X phải phân chia số dư quỹ khen thưởng phúc lợi tại thời điểm 31/12/2011 của V do X đã nhận sáp nhập V là hoàn toàn không đúng, không có cơ sở. Vex kiểm soát hoạt động của V thông qua việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty và đại diện phần góp vốn của mình tại V. Do đó tranh chấp liên quan việc xác định quỹ và chia quỹ này phải do Vex giải quyết với người khiếu kiện.

Về tố tụng thấy không cần thiết đưa 576 người ủy quyền cho bà H vào tham gia tố tụng vì họ không có đơn cụ thể, không nêu nội dung từng người yêu cầu bao nhiêu, đơn của bà H không có chữ ký của họ. Tòa án nhân dân Quận M đã có biên bản làm việc với bà H do phía bà H thực hiện không đúng quy định của pháp luật nên đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của bà H giữ nguyên quyết định như án sơ thẩm đã xử.

- ***Ông Mai Văn T đại diện cho Tập đoàn dệt may N trình bày:***

Án sơ thẩm xử là có căn cứ, ông yêu cầu giữ nguyên như án sơ thẩm đã tuyên.

∗ **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:**

Quá trình tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp đúng hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung: Theo đơn kiện bổ sung ngày 26/9/2018 bà H khởi kiện cho cá nhân bà và 576 người lao động yêu cầu công ty X phải trả cho 1.643 người lao động trên số tiền quỹ khen thưởng phúc lợi là 11,58 tỷ đồng và phải bồi thường thiệt hại do chi trả trễ hạn. Xét thấy 576 người này phải làm đơn và nộp tạm ứng án phí nhưng họ không có đơn nên căn cứ quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án cấp sơ thẩm không đưa họ vào tham gia tố tụng là đúng. Riêng yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà H do bà cho V chi trả trễ hạn theo đơn kiện bổ sung, bản khai ngày 05/6/2019 bà H gửi trước ngày Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo, không yêu cầu bà H nộp tạm ứng án phí; khi ra phiên xử Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét cho bà yêu cầu vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không xét là không đúng quy định của luật. Bà H trên 60 tuổi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn bà làm đơn xin miễn án phí như quy định tại điều 12,13,14 của Nghị quyết 326/2016. Việc kháng cáo của bà H là có căn cứ nên đề nghị hủy án sơ thẩm vì vi phạm thủ tục tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng H nộp trong thời hạn luật định, thực hiện theo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H cho là Tòa án cấp sơ thẩm không đưa 576 người đã ủy quyền cho bà H vào tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn là có thiếu sót. Xét thấy, 576 người này có quyền lợi cụ thể riêng biệt nhưng họ không có đơn khởi kiện riêng và có yêu cầu cụ thể, không nộp tạm ứng án phí. Đơn khởi kiện bổ sung của bà H chỉ nêu tên địa chỉ của họ, không nêu yêu cầu cho từng người và không có điểm chỉ hoặc chữ ký của 576 người này, không thực

hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên họ chưa đủ tư cách nguyên đơn. Còn việc xác định 576 người này vào tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hay không xét thấy quyền lợi của họ có thể tách riêng khởi kiện từng người được, việc không đưa họ vào cũng không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên yêu cầu đưa họ vào tư cách liên quan là không cần thiết.

Tuy nhiên, Nguyên đơn - bà H có yêu cầu tính lãi của số tiền chậm thanh toán 44.496.595đ, lãi từ tháng 7/2013 đến tháng 7/2019 là 26.848.676đ, Tòa án cấp sơ thẩm không giải thích cho nguyên đơn có đơn kiện bổ sung riêng cho cá nhân bà (bà H có đơn khởi kiện bổ sung ghi chung cho bà và 576 người yêu cầu về khoản bồi thường thiệt hại do chậm thanh toán) và bà H là người cao tuổi được miễn đóng tạm ứng án phí phải có đơn xin miễn. Trong nhiều biên bản hòa giải và bản giải trình ngày 05/6/2019 (bút lục số 4568) bà H có yêu cầu tính lãi nhưng Tòa không giải thích, khi xử Tòa án cấp sơ thẩm cho là bà H có yêu cầu vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu do chưa có đơn kiện bổ sung, chưa đóng tạm ứng án phí là thiếu sót của Tòa án sơ thẩm vì nguyên đơn có yêu cầu nhưng xét chấp nhận hay không chấp nhận nhưng Tòa án ấp sơ thẩm lại không giải quyết là thiếu sót chưa giải quyết hết các yêu cầu của đương sự. Việc phải nộp tạm ứng án phí bà H là người cao tuổi nên giải thích để bà làm đơn xin miễn.

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ban lãnh đạo cũ của Công ty V cũ giai đoạn từ 2011 đến 2014 vào tham gia tố tụng hỏi để làm rõ khoản chi 10.306.519.935đ trong 3 năm từ năm 2012, 2013, 2014 chi những khoản nào, vì mục đích gì và cho những đối tượng nào mà lấy từ Quỹ phúc lợi khen thưởng này trong khi đã chốt số dư Quỹ phúc lợi khen thưởng từ ngày 31/12/2011 là 11.580.713.214đ là ngày công bố xác định giá trị doanh nghiệp.

Đến ngày 11/01/2016 Tổ công tác giải quyết chính sách đối với người lao động lại xác định những khoản chi khen thưởng thi đua trong các năm 2011, 2012, 2013, 2014 không được tính vào khoản chi từ quỹ phúc lợi khen thưởng nên xác định tổng số tiền phải chia là 6.680.000.000đ, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ tại sao phải trừ lại để gộp chung đem chia trong khi Thỏa ước lao động tập thể năm 2013 cho chi khoản khen thưởng thi đua này vào quỹ phúc lợi, khen thưởng. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa thu thập Thỏa ước lao động tập thể của V trong các năm 2011, 2012, 2014 về các thỏa ước này để xem các năm thỏa ước có khác nhau không.

Trường hợp chia trên số quỹ 6.680.000.000đ thì trong đó trách nhiệm của X chỉ là 1.274.193.279đ, còn 5.414.111.120đ thuộc trách nhiệm của Vex hoặc nếu chia trên số dư quỹ 11.580.713.214đ thì trách nhiệm 10.306.519.935đ

cũng của Vex vì khi chuyển nhượng phần vốn góp của Vex cho X tại điểm f. khoản 5.1 Điều 5 có nêu "*Theo hiểu biết tốt nhất của bên chuyển nhượng thì không có bất cứ tranh chấp nào liên quan đến công ty hoặc hoạt động của công ty*" nhưng sau đó có sự tranh chấp giữa người lao động kiện đòi công ty V chia quỹ, trong khi việc chia quỹ khen thưởng phúc lợi thời gian xẩy ra trước khi Vex chuyển nhượng V cho X cho nên Vex phải là bên có trách nhiệm giải quyết.

Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về thủ tục tố tụng như trên và nội dung chưa điều tra làm rõ việc chi Quỹ phúc lợi khen thưởng trong 3 năm 2012, 2013, 2014 trong khi đã chốt quỹ này vào thời điểm 31/12/2011 làm giảm số tiền quỹ phúc lợi khen thưởng này tại cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Theo quy định tại Điều 12, 13 và 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án thì bà H thuộc trường hợp người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên hướng dẫn bà H làm đơn để được miễn án phí hoặc tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng H

1. Hủy toàn bộ bản án lao động sơ thẩm số 37/2019/LĐST ngày 24/7/2019 về việc "Tranh chấp về tiền thưởng" của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí lao động sơ thẩm sẽ xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Án phí lao động phúc thẩm: Bà H được hoàn lại 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0007941 ngày 01/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TpHCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TpHCM
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Tòa án nhân dân Quận M;
- Cục Thi hành án dân sự TpHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

Phan Thị Liên